

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh
tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 20230**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-BKHĐT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch hành động và tích hợp tăng trưởng xanh vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 171/TTr-SKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021- 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành

tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Tổ chức CT-XH tỉnh;
- LĐVP; P.KT.
- Lưu: VT. VP UBND tỉnh.

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Tăng trưởng xanh tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2030

(kèm theo Quyết định số 2747 /QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 600/QĐ-BKHĐT ngày 07/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch hành động và tích hợp tăng trưởng xanh vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp và Thông tư số 10/2023/TT-BKHĐT ngày 01/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2030 nhằm cụ thể hóa những quan điểm, mục tiêu, định hướng, giải pháp thực hiện Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030. Tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong nhận thức và hành động của các cấp chính quyền, đoàn thể và Nhân dân góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia.

- Từng địa phương, từng cấp, từng ngành xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án phát triển ngành, lĩnh vực; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; đồng thời đảm bảo phù hợp với điều kiện để hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh phải phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, định hướng của Chiến lược và Kế hoạch quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh cho các ngành, các cấp, tổ chức và cá nhân; Rà soát các chính sách đã ban hành nhằm sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và lồng ghép các nội dung về tăng trưởng xanh vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhằm tạo bước đột phá trong phát triển của địa phương để hình thành mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, gắn với mục tiêu xanh hóa sản xuất, xanh hóa lối sống.

- Kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn; bên cạnh các nỗ lực thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất chủ lực, hình thành các cụm liên kết ngành, việc nâng cao sức cạnh tranh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu trở thành nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Tăng trưởng xanh lấy con người làm trung tâm, khuyến khích lối sống có trách nhiệm của từng cá nhân đối với cộng đồng và xã hội, định hướng thể hệ tương lai về văn hóa sống xanh, hình thành xã hội văn minh, hiện đại hài hòa với thiên nhiên và môi trường.

- Đảm bảo sự đồng bộ giữa tăng trưởng xanh với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với các chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan và phải dựa khoa học công nghệ tiên tiến, nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tăng trưởng xanh định hướng đầu tư và huy động nguồn lực vào công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, kết cấu hạ tầng thông minh và bền vững; cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, tạo động lực để đầu tư tư nhân đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế xanh.

- Tăng trưởng xanh là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức liên quan, được thúc đẩy bằng tinh thần đổi mới sáng tạo và khát vọng phát triển bền vững, phồn vinh.

2. Mục tiêu tổng quát

- Tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đa mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện công bằng xã hội.

- Tăng cường sản xuất và sử dụng năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng, đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế xanh, trung hòa các-bon và hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

3. Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu 1: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GRDP.
- Mục tiêu 2: Xanh hóa các ngành kinh tế.
- Mục tiêu 3: Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

- Mục tiêu 4: Xanh hóa qua trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu của người dân với biến đổi khí hậu.

Các chỉ tiêu thống kê liên quan đến mục tiêu tăng trưởng xanh được cụ thể tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Kế hoạch hành động này.

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Tây Ninh gồm 10 chủ đề và 14 nhóm nhiệm vụ, hoạt động. Các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể được chi tiết tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Kế hoạch hành động này.

Ngoài thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động tại Kế hoạch hành động này, các Sở, ban, ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động tăng trưởng xanh của các ngành, lĩnh vực do các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ; tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và tổng kết vào năm 2030.

2. Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào các chương trình, kế hoạch phát triển hàng năm, 5 năm của cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Tổ chức giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng xanh thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

- Định kỳ thu thập, tổng hợp thông tin về việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh của tỉnh. Kịp thời tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh những giải pháp, biện pháp cụ thể để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về nội dung Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các Tổ chức Chính trị - Xã hội tỉnh

Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh. Phối hợp tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh.

4. Nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động Kế hoạch

Thực hiện theo Khoản 3, Điều 1 Quyết định số 882/QĐ-TTg và theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan.

5. Chế độ báo cáo

a) Các sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan

Định kỳ tổ chức rà soát tình hình thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động được giao tại Kế hoạch hành động này, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định, nêu rõ các vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp thực hiện và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 11 hàng năm.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2030, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc phát sinh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.



PHỤ LỤC 01
MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ TĂNG TRƯỞNG XANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2747/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh)

TT	Mã số	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng	Chỉ tiêu	Lộ trình thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
Mục tiêu 1			Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GRDP			
1	1.1		Cường độ phát thải khí nhà kính	A	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục thống kê tỉnh
Mục tiêu 2			Xanh hóa các ngành kinh tế			
2	2.7		Tỷ lệ các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng năng lượng xanh so với tổng số các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đang lưu hành	A	Sở Giao thông vận tải	Công an tỉnh
3	2.8		Số lượng trạm sạc, số lượng cổng sạc xe điện	A	Sở Giao thông vận tải	Sở Công thương, Sở Xây dựng
4	2.9		Tỷ lệ giá trị tăng thêm của hoạt động vận tải hàng hóa đường sắt, đường thủy so với giá trị tăng thêm của vận tải hàng hóa	A	Cục thống kê tỉnh	
5	2.12		Lượng phân bón hóa học bình quân sử dụng trên một hecta (1 ha) đất trồng trọt	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
6	2.13		Lượng thuốc bảo vệ thực vật hóa học bình quân được sử dụng trên một hecta (1 ha) đất trồng trọt	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
7	2.14		Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	2.15	0814	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
9	2.16		Tỷ lệ chiều dài kênh mương được kiên cố	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
10	2.17	2105	Diện tích đất bị thoái hóa	A	Sở Tài nguyên và Môi trường	

TT	Mã số	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng	Chỉ tiêu	Lộ trình thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
11	2.18		Diện tích các loại cây trồng được chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) và tương đương	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
12	2.19		Diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP) và tương đương	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
13	2.20		Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
14	2.21		Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi lợn trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
15	2.23		Tỷ lệ các điểm đến du lịch, cơ sở kinh doanh du lịch được dán nhãn xanh	B	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cục thống kê tỉnh
16	2.24		Tỷ lệ các cơ sở đạt tiêu chuẩn cơ sở y tế xanh, bền vững so với tổng số cơ sở y tế	B	Sở Y tế	Cục thống kê tỉnh
17	2.25	0517	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP)	A	Cục thống kê tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
18	2.26		Tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, phát thải các bon thấp trong sản xuất	B	Sở Khoa học và Công nghệ	
19	2.27		Tỷ lệ vốn đầu tư công xanh so với tổng vốn đầu tư công	B	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
20	2.31	2102	Tỷ lệ che phủ rừng	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
21	2.34		Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
22	2.35		Trữ lượng khoáng sản đã cấp phép, khai thác và còn lại phân theo các cấp trữ lượng	A	Sở Tài nguyên và Môi trường	
23	2.37		Mức thay đổi mực nước dưới đất	A	Sở Tài nguyên và Môi trường	
Mục tiêu 3			Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững			
24	3.1	2107	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	A	Sở Tài nguyên và Môi trường	

TT	Mã số	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng	Chỉ tiêu	Lộ trình thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
25	3.2		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp	B	Sở Tài nguyên và Môi trường	
26	3.3	2106	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	A	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Công thương, Sở Y tế
27	3.4		Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	B	Sở Xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường
28	3.5		Tỷ lệ xã đạt tiêu chí về môi trường	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
29	3.6	2104	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	A	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
30	3.8		Tỷ lệ đô thị đạt tiêu chuẩn đô thị tăng trưởng xanh theo hướng đô thị thông minh, bền vững so với tổng số các đô thị	B	Sở Xây dựng	
31	3.9		Tỷ lệ chi đầu tư công xanh so với tổng chi ngân sách nhà nước	B	Sở Tài chính	
32	3.10		Tỷ lệ mua sắm công xanh so với tổng mua sắm công	B	Sở Tài chính	
33	3.11		Tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường so với tổng chi ngân sách nhà nước	A	Sở Tài chính	
34	3.13		Tỷ lệ chi cho hoạt động bảo vệ môi trường so với GRDP	A	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục thống kê tỉnh
Mục tiêu 4			Xanh hóa qua trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu của người dân với biến đổi khí hậu			
35	4.1		Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ các chất trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép	A	Sở Tài nguyên và Môi trường	
36	4.2	1806	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	A	Sở Xây dựng	
37	4.3	1807	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cục thống kê tỉnh
38	4.5	1809	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	A	Cục thống kê tỉnh	

TT	Mã số	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng	Chỉ tiêu	Lộ trình thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
39	4.6	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	A	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
40	4.9	0713	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội	A	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
41	4.10	0714	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	A	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
42	4.11	0715	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	A	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
43	4.12		Tổng chiều dài các tuyến đê	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
44	4.13		Số công trình xây dựng kè phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển	A	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
45	4.14		Số lao động có việc làm xanh trong nền kinh tế	B	Cục thống kê tỉnh	
46	4.16	0209	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	A	Cục thống kê tỉnh	
47	4.17	1801	Chỉ số phát triển con người (HDI)	A	Cục thống kê tỉnh	
48	4.18	1607	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	A	Sở Y tế	
49	4.19		Chỉ số tăng trưởng xanh tổng hợp	B	Cục thống kê tỉnh	

Ghi chú:

- Lộ trình A: Áp dụng đối với các chỉ tiêu có thể thực hiện ngay từ năm 2023 do đã có sẵn hoặc có nguồn thông tin để tính toán, tổng hợp.
- Lộ trình B: Áp dụng đối với các chỉ tiêu chưa thể thực hiện ngay do chưa có nguồn thông tin hoặc đang nghiên cứu, dự kiến có thể thực hiện từ năm 2026.

[illegible]

[illegible]

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)	Ghi chú
			Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp			
	Xây dựng, triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh.	2023-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan khác	Ngân sách Nhà nước	Kế hoạch quản lý chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
10	Tiêu dùng và mua sắm xanh, bền vững: Đẩy mạnh mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh và các chương trình dán nhãn để điều chỉnh hành vi tiêu dùng.						
	Triển khai mua sắm xanh, dịch vụ công xanh đối với các cơ quan nhà nước	2024-2030	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan khác	Ngân sách Nhà nước	Các đề án/dự án/hoạt động mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh các cấp	